

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Đề án “Chỉnh trang đô thị các phường Trường Vinh, Thành Vinh, Vinh Lộc, Vinh Hưng, Vinh Phú và Cửa Lò giai đoạn 2026 - 2030”

Căn cứ Quyết định số 3171/QĐ-UBND ngày 16/7/2026 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án “Chỉnh trang đô thị các phường Trường Vinh, Thành Vinh, Vinh Lộc, Vinh Hưng, Vinh Phú và Cửa Lò giai đoạn 2026 - 2030”; trên cơ sở tham mưu, đề nghị của Sở Xây dựng tại Văn bản số 6115/SXD-QLBT ngày 20/7/2026, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Chỉnh trang đô thị các phường Trường Vinh, Thành Vinh, Vinh Lộc, Vinh Hưng, Vinh Phú và Cửa Lò giai đoạn 2026 - 2030” (sau đây gọi tắt là Đề án), với các nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa việc tổ chức thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, danh mục chương trình, dự án, phân kỳ đầu tư và nguồn lực đã được phê duyệt tại Đề án “Chỉnh trang đô thị các phường Trường Vinh, Thành Vinh, Vinh Lộc, Vinh Hưng, Vinh Phú và Cửa Lò giai đoạn 2026 - 2030”; làm cơ sở để các sở, ban, ngành, UBND các phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ, thống nhất, đúng tiến độ và bảo đảm hiệu quả.

- Phân công rõ trách nhiệm của các sở, ban, ngành, UBND các phường, chủ đầu tư và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện; xác định sản phẩm đầu ra, thời gian thực hiện và cơ chế phối hợp, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, đánh giá kết quả thực hiện Đề án.

- Làm căn cứ để huy động, phân bổ, quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn lực; bảo đảm việc triển khai các chương trình, dự án phù hợp với khả năng cân đối nguồn lực từng giai đoạn, đúng quy định của pháp luật.

2. Yêu cầu

- Bám sát mục tiêu, phạm vi, nội dung, nhiệm vụ, giải pháp, danh mục chương trình, dự án và phân kỳ đầu tư đã được phê duyệt tại Quyết định số 3171/QĐ-UBND ngày 16/7/2026; việc điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ, dự án hoặc nguồn lực thực hiện (nếu có) phải được cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật.

- Bảo đảm tính đồng bộ giữa đầu tư xây dựng, quản lý quy hoạch, quản lý đô thị, bảo vệ môi trường, chuyển đổi số, quản lý, vận hành, duy tu, bảo trì công trình sau đầu tư; phát huy hiệu quả đầu tư và bảo đảm phát triển đô thị bền vững.

- Việc tổ chức thực hiện phải bám sát tiến độ, phân kỳ đầu tư và khả năng cân đối nguồn lực; ưu tiên các công trình trọng điểm, công trình có tính kết nối, có tác động lan tỏa và các công trình cấp bách phục vụ dân sinh.

- Các sở, ban, ngành, UBND các phường và các cơ quan, đơn vị liên quan chủ động xây dựng kế hoạch triển khai thuộc phạm vi quản lý; tăng cường phối hợp, kịp thời xử lý hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Tổ chức triển khai đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp và danh mục chương trình, dự án đã được phê duyệt tại Đề án nhằm tạo chuyển biến rõ nét về diện mạo đô thị, từng bước hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và không gian công cộng trên địa bàn các phường Trường Vinh, Thành Vinh, Vinh Lộc, Vinh Hưng, Vinh Phú và Cửa Lò; góp phần xây dựng đô thị Vinh phát triển văn minh, hiện đại, xanh, thông minh, có bản sắc; nâng cao chất lượng môi trường sống, chất lượng dịch vụ đô thị và hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về đô thị.

2. Mục tiêu cụ thể

- Tổ chức thực hiện đồng bộ các chương trình, dự án thuộc Đề án theo đúng phân kỳ đầu tư, bảo đảm tiến độ, chất lượng và hiệu quả sử dụng vốn.

- Hoàn thiện, nâng cấp hệ thống giao thông, thoát nước, chiếu sáng, cây xanh, hạ tầng kỹ thuật và không gian công cộng; từng bước khắc phục các điểm ùn tắc giao thông, ngập úng đô thị, cải thiện chất lượng môi trường và mỹ quan đô thị.

- Chinh trang kiến trúc, cảnh quan; từng bước hạ ngầm hạ tầng kỹ thuật tại các khu vực phù hợp; xây dựng các tuyến phố văn minh, các không gian công cộng và các khu vực trọng điểm, tạo điểm nhấn cho đô thị trung tâm.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số, xây dựng cơ sở dữ liệu và ứng dụng công nghệ trong quản lý, vận hành hạ tầng kỹ thuật đô thị; nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác công trình sau đầu tư.

- Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực hợp pháp; ưu tiên bố trí nguồn lực cho các công trình trọng điểm, công trình cấp bách và các dự án có tính kết nối, tạo động lực phát triển.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; phát huy vai trò, trách nhiệm của các sở, ngành, địa phương, chủ đầu tư và sự tham gia của cộng đồng trong quá trình tổ chức thực hiện Đề án.

III. PHẠM VI, NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Phạm vi thực hiện: Kế hoạch được triển khai trên địa bàn các phường

Trường Vinh, Thành Vinh, Vinh Lộc, Vinh Hưng, Vinh Phú và Cửa Lò, tập trung thực hiện các chương trình, dự án và nhiệm vụ đã được phê duyệt tại Đề án; ưu tiên các khu vực trung tâm đô thị, các trục giao thông chính, các không gian công cộng, các khu vực thường xuyên xảy ra ngập úng, ùn tắc giao thông và các khu vực cần chỉnh trang, tạo điểm nhấn về kiến trúc, cảnh quan đô thị.

2. Nội dung thực hiện

2.1. Triển khai danh mục dự án và phân kỳ đầu tư

Triển khai thực hiện **138 dự án** thuộc Đề án với tổng mức đầu tư dự kiến khoảng **29.147,38 tỷ đồng**, theo danh mục và phân kỳ đã được UBND tỉnh phê duyệt; việc tổ chức thực hiện bảo đảm phù hợp với khả năng cân đối nguồn lực, trình tự, thủ tục đầu tư xây dựng và các quy định của pháp luật có liên quan.

Việc triển khai các nhóm dự án được thực hiện theo nguyên tắc sau:

a) Nhóm 1 - Các dự án đã được phê duyệt và đang triển khai

Tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thi công, giải ngân vốn đầu tư, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; ưu tiên hoàn thành đưa công trình vào khai thác, sử dụng theo đúng tiến độ được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Tiến độ cụ thể như sau:

- 05 nhiệm vụ xử lý chống ngập úng đô thị Vinh: Hoàn thành trong quý III/2026;
- Các dự án đường Hải Thượng Lãn Ông; đường Nguyễn Gia Thiều; cải tạo, nâng cấp hoàn chỉnh đồng bộ tuyến đường từ sân bay Vinh đến khu vực xung quanh Quảng trường Hồ Chí Minh: Hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 năm 2026;
- Các dự án Đường Lê Mao kéo dài (giai đoạn 2); Cải tạo mặt đường 17 tuyến đường nội thị phường Cửa Lò; dự án đường Trần Hưng Đạo kéo dài: Hoàn thành trong năm 2027;
- Dự án Hạ tầng ưu tiên và phát triển đô thị thích ứng với biến đổi khí hậu thành phố Vinh (vốn WB) hoàn thành theo tiến độ Hiệp định vay vốn, chậm nhất trong năm 2030.

(Chi tiết tiến độ từng dự án tại Phụ lục II kèm theo).

b) Nhóm 2 - Các dự án đưa vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn

Khẩn trương hoàn thiện hồ sơ, thủ tục chuẩn bị đầu tư; trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư theo quy định; căn cứ khả năng cân đối nguồn lực, kế hoạch đầu tư công và các nguồn vốn hợp pháp khác để bố trí vốn, tổ chức thực hiện đảm bảo hoàn thành trong giai đoạn đầu tư công trung hạn 2026 - 2030; trong đó 02 dự án (Cải tạo, nâng cấp tuyến Quang Trung - Lê Lợi - Mai Hắc Đế - Nguyễn Trãi và Đường 72m đoạn Nguyễn Trãi - tuyến tránh thành phố Vinh) phải hoàn thành chậm nhất trong năm 2028

(Chi tiết tiến độ từng dự án tại Phụ lục II kèm theo).

c) Nhóm 3 - Các dự án cấp bách giai đoạn 2026 - 2027

Ưu tiên tập trung nguồn lực để triển khai, bảo đảm hoàn thành theo tiến độ;

các cơ quan, đơn vị được giao chủ trì chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện, bảo đảm chất lượng, tiến độ và hiệu quả đầu tư. Tiến độ cụ thể như sau: Các dự án nhóm công trình cấp thiết, có tác động trực tiếp, tạo chuyển biến rõ nét về diện mạo đô thị thực hiện trong năm 2026 phải hoàn thành chậm nhất ngày 31/01/2027; các dự án chuyển tiếp còn lại phải hoàn thành chậm nhất theo từng quý được xác định cụ thể tại Phụ lục III kèm theo, bảo đảm cơ bản hoàn thành toàn bộ Nhóm 3 trong năm 2027.

d) Nhóm 4 - Các dự án định hướng sau năm 2030

Tiếp tục rà soát quy hoạch, đánh giá hiện trạng, xác định nhu cầu đầu tư, chuẩn bị các điều kiện cần thiết để từng bước triển khai phù hợp với định hướng phát triển đô thị và khả năng cân đối nguồn lực trong từng thời kỳ.

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo Kế hoạch)

Nguyên tắc phân công chủ đầu tư: Đối với các dự án thuộc phạm vi một phường, giao UBND phường làm chủ đầu tư hoặc cơ quan được cấp có thẩm quyền giao theo quy định. Đối với các dự án có quy mô liên phường, liên huyện, có tính chất kết nối hoặc yêu cầu quản lý chuyên ngành, giao cơ quan chuyên môn cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý dự án chuyên ngành làm chủ đầu tư theo quyết định của cấp có thẩm quyền. Việc chuẩn bị đầu tư, lựa chọn nhà thầu, tổ chức thực hiện dự án và quản lý đầu tư xây dựng thực hiện theo quy định của pháp luật; trường hợp áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù thì thực hiện theo quy định của cấp có thẩm quyền.

2.2. Nhiệm vụ, giải pháp theo lĩnh vực

a) Giao thông đô thị và giao thông tỉnh: Tổ chức triển khai đồng bộ các dự án cải tạo, nâng cấp đường, cầu, nút giao, vỉa hè, công trình an toàn giao thông theo danh mục, phân kỳ đầu tư của Đề án và mốc tiến độ tại Phụ lục I, Phụ lục II, Phụ lục III kèm theo; ưu tiên các tuyến trục chính, cửa ngõ đô thị, tuyến kết nối trung tâm đô thị Vinh với Cửa Lò và các khu vực thường xuyên ùn tắc, xuống cấp. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp Ủy ban nhân dân các phường rà soát, xây dựng phương án đầu tư hệ thống bãi đỗ xe công cộng, bãi đỗ xe ngầm, bãi đỗ xe thông minh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét trước ngày 31/12/2026; khuyến khích xã hội hóa đầu tư, quản lý, khai thác giao thông tỉnh theo quy định.

b) Cây xanh, công viên và không gian công cộng: Cải tạo, nâng cấp công viên, quảng trường, hồ điều hòa, vườn hoa trọng điểm theo hướng đồng bộ, hiện đại; trước mắt tập trung Công viên Trung tâm, Công viên Nguyễn Tất Thành, Công viên Cửa Bắc và Cửa Nam. Thống nhất chủng loại cây xanh đô thị phù hợp điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng địa phương, ưu tiên cây bản địa.

c) Chiếu sáng đô thị và hệ thống bảo đảm an toàn giao thông: Từng bước cải tạo, hiện đại hóa hệ thống chiếu sáng công cộng, đèn tín hiệu giao thông, đèn trang trí theo hướng đồng bộ, tiết kiệm năng lượng, ứng dụng công nghệ điều khiển thông minh; ưu tiên các tuyến đường chính, khu vực trung tâm, khu du lịch và các điểm có nguy cơ mất an toàn giao thông.

d) Thoát nước, chống ngập úng và thích ứng với biến đổi khí hậu:

Ưu tiên triển khai các dự án nâng cấp hệ thống thoát nước, hồ điều hòa, trạm bơm, kênh tiêu và các công trình đầu mối; tập trung xử lý các khu vực thường xuyên xảy ra ngập úng.

Tăng cường công tác quản lý, duy tu, nạo vét hệ thống thoát nước; kết hợp đầu tư hạ tầng xanh và các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu nhằm nâng cao khả năng tiêu thoát nước và giảm thiểu nguy cơ ngập úng đô thị.

đ) Thu gom, xử lý nước thải và bảo vệ môi trường:

Từng bước hoàn thiện hệ thống thu gom, xử lý nước thải; nâng cao hiệu quả vận hành các công trình hiện có; kiểm soát ô nhiễm môi trường nước, cải thiện chất lượng môi trường đô thị.

Đồng thời tăng cường quản lý chất thải rắn, vệ sinh môi trường và bảo vệ hệ sinh thái đô thị, góp phần xây dựng môi trường sống xanh, sạch, bền vững.

e) Hạ ngầm và đồng bộ hạ tầng kỹ thuật:

Triển khai thực hiện việc hạ ngầm hệ thống điện lực, viễn thông và các công trình hạ tầng kỹ thuật tại các tuyến đường, khu vực ưu tiên chỉnh trang; bảo đảm đồng bộ với quá trình cải tạo đường giao thông, vỉa hè và hệ thống thoát nước.

Rà soát, thanh thải, bó gọn các tuyến cáp nổi, hệ thống dây dẫn không còn sử dụng; từng bước hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật dùng chung theo quy hoạch.

g) Quản lý kiến trúc, cảnh quan và quảng cáo đô thị:

Tăng cường quản lý kiến trúc công trình, biển hiệu, biển quảng cáo, công trình phụ trợ đô thị; đối với biển quảng cáo trong đô thị xây dựng lộ trình thay thế bằng các biển quảng cáo Led; tổ chức rà soát, chỉnh trang, thay thế các hạng mục không bảo đảm mỹ quan hoặc an toàn.

Khuyến khích xây dựng các tuyến phố văn minh, tuyến phố kiểu mẫu, hình thành không gian kiến trúc đô thị đồng bộ, hiện đại và có bản sắc.

h) Tiêu chuẩn hóa hạ tầng kỹ thuật đô thị:

Sở Xây dựng chủ trì nghiên cứu, xây dựng Bộ tiêu chuẩn, mẫu thiết kế thống nhất đối với vỉa hè, bó vỉa, cây xanh, ghế nghỉ, thùng rác, cột đèn, đèn trang trí, biển chỉ dẫn, lan can và các hạng mục hạ tầng kỹ thuật đô thị khác, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành trước ngày 30/8/2026, bảo đảm đồng bộ, có tính thẩm mỹ, thuận lợi cho đầu tư, quản lý, bảo trì, thay thế.

i) Chuyển đổi số và phát triển đô thị thông minh:

Đẩy mạnh xây dựng cơ sở dữ liệu số, hệ thống thông tin địa lý (GIS) và các nền tảng quản lý hạ tầng kỹ thuật đô thị; từng bước ứng dụng các công nghệ số trong quản lý giao thông, chiếu sáng, cây xanh, thoát nước, bãi đỗ xe, cấp thoát nước và các lĩnh vực khác.

Từng bước hình thành hệ thống quản lý, giám sát và điều hành đô thị thông minh phục vụ công tác quản lý nhà nước và nâng cao chất lượng cung cấp dịch

vụ đô thị.

k) Huy động nguồn lực:

Chủ động huy động, lồng ghép và sử dụng hiệu quả các nguồn lực hợp pháp để thực hiện Đề án; ưu tiên bố trí nguồn lực cho các công trình trọng điểm, công trình cấp bách và các dự án có tính kết nối, tạo động lực phát triển.

Khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp và cộng đồng dân cư tham gia đầu tư, quản lý, khai thác, bảo vệ công trình hạ tầng đô thị theo quy định của pháp luật.

l) Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý đô thị:

Tăng cường công tác quản lý trật tự xây dựng, trật tự đô thị, kiến trúc, cảnh quan, hạ tầng kỹ thuật và không gian công cộng; gắn đầu tư xây dựng với quản lý, vận hành, duy tu, bảo trì công trình sau đầu tư.

Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các chương trình, dự án; kịp thời xử lý hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh, bảo đảm hoàn thành các mục tiêu của Đề án theo đúng tiến độ và yêu cầu đề ra.

IV. NGUỒN LỰC THỰC HIỆN

1. Tổng nhu cầu vốn

Tổng mức đầu tư các dự án thuộc Đề án khoảng 29.147,38 tỷ đồng; lũy kế vốn đã bố trí cho các dự án đang triển khai dở dang đến nay là 1.715,37 tỷ đồng. Tổng nhu cầu vốn cần huy động để thực hiện Đề án là 27.432,01 tỷ đồng, được cân đối từ các nguồn:

- Ngân sách Trung ương (vốn WB, ODA và hỗ trợ có mục tiêu): 4.221,76 tỷ đồng;

- Ngân sách địa phương (ngân sách tỉnh, ngân sách phường) và các nguồn huy động hợp pháp khác (xã hội hóa, hợp tác công - tư PPP, nguồn thu từ khai thác quỹ đất...): 23.210,25 tỷ đồng.

2. Phân kỳ nhu cầu vốn

- Giai đoạn 2026 - 2030: 22.714,57 tỷ đồng (ngân sách Trung ương 4.221,76 tỷ đồng; ngân sách địa phương và các nguồn khác 18.492,82 tỷ đồng), bố trí cho các dự án thuộc Nhóm 1, Nhóm 2 và Nhóm 3.

- Sau năm 2030: 4.717,44 tỷ đồng, bố trí cho các dự án thuộc Nhóm 4.

(Chi tiết phân bổ nguồn vốn theo từng nhóm dự án tại Phụ lục I kèm theo)

3. Cơ chế huy động và phân bổ nguồn lực

- Ưu tiên bố trí vốn đầu tư công, kinh phí sự nghiệp cho các hạng mục hạ tầng kỹ thuật thiết yếu, công trình công cộng, dự án trọng điểm có tính chất dẫn dắt, tạo động lực và hiệu ứng lan tỏa; thực hiện phân kỳ đầu tư phù hợp khả năng cân đối nguồn lực từng giai đoạn.

- Đẩy mạnh huy động các nguồn lực xã hội hóa; khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức, cộng đồng tham gia đầu tư, tài trợ, quản lý, khai thác các công trình cây xanh, công viên, quảng trường, chiếu sáng, trang trí đô thị, không gian công cộng và các hạng mục chỉnh trang đô thị phù hợp.

- Nghiên cứu, thu hút các nguồn vốn hợp pháp ngoài ngân sách, các chương trình hỗ trợ, nguồn vốn viện trợ, tài trợ và các hình thức hợp tác công - tư (PPP) theo quy định của pháp luật.

- Bảo đảm việc huy động, quản lý, phân bổ và sử dụng nguồn vốn công khai, minh bạch, đúng quy định của pháp luật; gắn trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong quản lý đầu tư, vận hành, khai thác và bảo vệ công trình sau đầu tư.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Xây dựng (cơ quan chủ trì Đề án)

- Là cơ quan chủ trì, đầu mối tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện của các sở, ban, ngành, UBND các phường và các cơ quan, đơn vị liên quan; định kỳ hoặc đột xuất tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện.

- Chủ trì rà soát, đề xuất thứ tự ưu tiên triển khai các chương trình, dự án; hướng dẫn thực hiện các nội dung về quy hoạch, kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật đô thị, chỉnh trang đô thị, cây xanh, chiếu sáng, thoát nước và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác.

- Chủ trì xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu quản lý hạ tầng đô thị; nghiên cứu, hướng dẫn áp dụng thống nhất các mẫu thiết kế hạ tầng kỹ thuật đô thị trên địa bàn theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện; định kỳ rà soát, tổng hợp, đề xuất điều chỉnh, bổ sung nội dung Kế hoạch và Đề án (nếu cần thiết), báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

Sản phẩm: Báo cáo định kỳ, đột xuất về kết quả thực hiện; cơ sở dữ liệu quản lý hạ tầng đô thị; hướng dẫn, mẫu thiết kế hạ tầng kỹ thuật đô thị được ban hành theo quy định.

Thời gian: Thường xuyên trong giai đoạn 2026-2030.

2. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh cân đối, bố trí nguồn lực từ ngân sách nhà nước theo khả năng cân đối ngân sách và quy định của pháp luật; ưu tiên bố trí nguồn vốn thực hiện các dự án trọng điểm, cấp bách theo Kế hoạch được phê duyệt.

- Chủ trì tham mưu cơ chế huy động các nguồn lực hợp pháp ngoài ngân sách; phối hợp rà soát, đề xuất điều chỉnh kế hoạch vốn, phương án bố trí nguồn lực khi cần thiết theo quy định.

Sản phẩm: Phương án cân đối, tham mưu bố trí nguồn vốn hằng năm và trung hạn cho các chương trình, dự án thuộc Đề án.

Thời gian: Hằng năm, theo chu kỳ lập dự toán ngân sách và kế hoạch đầu tư công.

3. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Chủ trì hướng dẫn quản lý hoạt động quảng cáo ngoài trời, biển hiệu, bảng tuyên truyền và các công trình phục vụ hoạt động văn hóa trên địa bàn theo quy định.

- Phối hợp Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tổ chức thực hiện dự án tu bổ công thành Vinh (Tiền Môn, Tả Môn, Hữu Môn) và khu vực thành cổ Vinh thuộc Nhóm 3 (chi tiết tại Phụ lục III); hướng dẫn chuyên môn về bảo tồn di tích, kiến trúc, giá trị văn hóa, lịch sử đặc trưng của đô thị Vinh và Cửa Lò; phối hợp triển khai chỉnh trang các công viên, quảng trường, không gian văn hóa công cộng.

- Lồng ghép các nhiệm vụ chỉnh trang đô thị với phát triển du lịch, xây dựng hình ảnh đô thị văn minh, hiện đại.

Sản phẩm: Công trình tu bổ công thành Vinh và khu vực thành cổ Vinh hoàn thành theo tiến độ; hướng dẫn quản lý hoạt động quảng cáo ngoài trời.

Thời gian: Theo tiến độ dự án; các nhiệm vụ quản lý thực hiện thường xuyên.

4. Sở Công Thương

Chủ trì, phối hợp với Công ty Điện lực Nghệ An hướng dẫn, đôn đốc việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch cải tạo, chỉnh trang hệ thống điện tại các khu vực ưu tiên chỉnh trang; bảo đảm cung cấp điện ổn định cho hệ thống chiếu sáng công cộng và các công trình hạ tầng kỹ thuật trọng yếu.

Sản phẩm: Kế hoạch cải tạo, chỉnh trang hệ thống điện trên địa bàn.

Thời gian: Thường xuyên trong giai đoạn 2026 - 2030.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì hướng dẫn triển khai chuyển đổi số, xây dựng cơ sở dữ liệu số, GIS, hạ tầng số và đô thị thông minh; phối hợp xây dựng cơ sở dữ liệu hạ tầng kỹ thuật đô thị; hướng dẫn ứng dụng AI, IoT, SCADA, camera giám sát trong quản lý hạ tầng kỹ thuật.

- Chủ trì, phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông rà soát, chỉnh trang, gọn, thanh thải cáp viễn thông không sử dụng; triển khai lộ trình hạ ngầm hạ tầng viễn thông phù hợp với tiến độ các dự án chỉnh trang đô thị.

Sản phẩm: Hướng dẫn kỹ thuật về chuyển đổi số, cơ sở dữ liệu GIS đô thị; kế hoạch hạ ngầm hạ tầng viễn thông.

Thời gian: Thường xuyên trong giai đoạn 2026 - 2030.

6. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Chủ trì hướng dẫn thực hiện các nội dung thuộc lĩnh vực đất đai, môi trường,

cây xanh, mặt nước đô thị, tài nguyên và thích ứng với biến đổi khí hậu; phối hợp giải quyết các thủ tục về đất đai, giải phóng mặt bằng, bảo vệ môi trường theo quy định; phối hợp triển khai các giải pháp giảm ô nhiễm môi trường, bảo vệ hệ sinh thái ven sông, ven biển; nâng cao chất lượng môi trường sống đô thị.

Sản phẩm: Hướng dẫn chuyên môn về môi trường, đất đai, cây xanh phục vụ triển khai các dự án.

Thời gian: Thường xuyên trong giai đoạn 2026 - 2030.

7. Công an tỉnh

- Phối hợp bảo đảm an ninh trật tự, an toàn giao thông trong quá trình triển khai các dự án thuộc Đề án; khai thác, chia sẻ, kết nối dữ liệu từ hệ thống camera giám sát phục vụ công tác quản lý giao thông, trật tự đô thị và xây dựng đô thị thông minh.

- Nâng cấp, mở rộng hệ thống camera giám sát phục vụ giám sát giao thông, nhận diện phương tiện, phát hiện vi phạm, hỗ trợ điều tiết giao thông, bảo đảm an ninh trật tự; phối hợp các đơn vị liên quan chỉnh trang, bó gọn, hạ ngầm hệ thống cáp quang, đường truyền mạng, viễn thông, cơ yếu.

Sản phẩm: Hệ thống camera giám sát được nâng cấp, mở rộng; dữ liệu giám sát giao thông, trật tự đô thị được kết nối, chia sẻ.

Thời gian: Thường xuyên trong giai đoạn 2026 - 2030.

8. Các doanh nghiệp điện lực, viễn thông và đơn vị quản lý hạ tầng kỹ thuật (Công ty Điện lực Nghệ An, các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn)

- Phối hợp triển khai các chương trình chỉnh trang, bó gọn và hạ ngầm hệ thống điện lực, viễn thông theo kế hoạch được phê duyệt; thực hiện thanh thải cáp không sử dụng; cập nhật cơ sở dữ liệu hạ tầng kỹ thuật dùng chung.

- Chủ động phối hợp với chủ đầu tư để tổ chức thực hiện đồng bộ với tiến độ các dự án chỉnh trang đô thị, hạn chế việc đào cắt nhiều lần sau khi công trình hoàn thành.

Sản phẩm: Khối lượng hạ ngầm, thanh thải cáp hoàn thành theo từng tuyến, từng khu vực chỉnh trang.

Thời gian: Theo tiến độ các dự án cải tạo đường, vỉa hè có hạng mục hạ ngầm.

9. UBND các phường Trường Vinh, Thành Vinh, Vinh Lộc, Vinh Hưng, Vinh Phú và Cửa Lò

- Tổ chức triển khai các nhiệm vụ, dự án thuộc phạm vi quản lý; trực tiếp làm chủ đầu tư đối với các dự án thuộc Nhóm 3 nằm trong địa bàn phường theo phân công tại Phụ lục II; chủ động xây dựng kế hoạch, danh mục công trình ưu tiên, huy động các nguồn lực hợp pháp để thực hiện chỉnh trang đô thị.

- Tăng cường quản lý trật tự đô thị, bảo vệ vỉa hè, lòng đường, công viên, cây xanh, hệ thống thoát nước và các công trình hạ tầng kỹ thuật; xử lý kịp thời hành vi lấn chiếm, xâm hại công trình công cộng.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động người dân tham gia giữ gìn vệ sinh môi trường, bảo vệ tài sản công, chỉnh trang mặt tiền công trình, xây dựng nếp sống văn minh đô thị.

- Tổ chức quản lý, vận hành, duy tu, bảo trì các công trình sau đầu tư theo phân cấp; bảo đảm phát huy hiệu quả lâu dài các công trình thuộc Đề án.

- Định kỳ đánh giá kết quả thực hiện; kịp thời báo cáo Sở Xây dựng những khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh xem xét, giải quyết.

Sản phẩm: Các dự án Nhóm 3 do phường làm chủ đầu tư hoàn thành theo tiến độ; kế hoạch chỉnh trang đô thị của từng phường.

Thời gian: Thường xuyên trong giai đoạn 2026 - 2030; các dự án Nhóm 3 hoàn thành trong năm 2026 - 2027 theo Phụ lục II.

10. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Nghệ An và các tổ chức chính trị - xã hội

- Phối hợp tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tích cực tham gia bảo vệ môi trường, giữ gìn mỹ quan đô thị, thực hiện nếp sống văn minh đô thị; phát huy vai trò giám sát của cộng đồng trong quá trình triển khai thực hiện Đề án.

- Vận động các tổ chức, doanh nghiệp và Nhân dân tham gia quản lý, bảo vệ, khai thác hiệu quả các công trình hạ tầng đô thị sau đầu tư; góp phần nâng cao ý thức cộng đồng trong xây dựng đô thị văn minh.

Sản phẩm: Các hoạt động tuyên truyền, vận động, giám sát cộng đồng được triển khai thường xuyên; nâng cao nhận thức, ý thức của Nhân dân trong công tác chỉnh trang, quản lý và bảo vệ hạ tầng đô thị.

Thời gian: Thường xuyên trong giai đoạn 2026 - 2030.

11. Các chủ đầu tư

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, tổ chức lập, trình thẩm định, phê duyệt hoặc phê duyệt theo thẩm quyền các chương trình, dự án; tổ chức triển khai thực hiện bảo đảm đúng trình tự, thủ tục, quy định của pháp luật về đầu tư công, đầu tư, xây dựng, đất đai, đấu thầu, ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.

- Chịu trách nhiệm toàn diện về tiến độ, chất lượng, hiệu quả đầu tư, quản lý chi phí, quản lý hợp đồng, quản lý chất lượng công trình, an toàn lao động, bảo vệ môi trường, giải ngân vốn đầu tư, bảo đảm hoàn thành đúng mốc thời gian xác định tại Phụ lục I, Phụ lục II, Phụ lục III kèm theo.

- Chủ động phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong quá trình chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư; kịp thời giải quyết hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh; thực hiện đầy đủ chế độ thông tin, báo cáo theo quy định.

- Sau khi công trình hoàn thành, tổ chức nghiệm thu, bàn giao đưa công trình vào khai thác, sử dụng; thực hiện quản lý, vận hành, duy tu, bảo trì công trình theo

quy định, bảo đảm phát huy hiệu quả đầu tư.

Sản phẩm: Các chương trình, dự án được triển khai bảo đảm tiến độ, chất lượng, hiệu quả; công trình được bàn giao, đưa vào khai thác, sử dụng theo quy định.

Thời gian: Theo tiến độ thực hiện từng chương trình, dự án.

VI. CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO, KIỂM TRA, GIÁM SÁT

1. Chế độ thông tin, báo cáo

Sở Xây dựng là cơ quan đầu mối giúp UBND tỉnh theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra và tổng hợp tình hình triển khai thực hiện Kế hoạch; chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các phường và các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh; định kỳ đánh giá kết quả thực hiện, đề xuất điều chỉnh nội dung Kế hoạch, danh mục dự án, tiến độ hoặc giải pháp tổ chức thực hiện khi cần thiết.

Các sở, ban, ngành, UBND các phường, các chủ đầu tư và các cơ quan, đơn vị có liên quan có trách nhiệm thực hiện chế độ báo cáo như sau:

- **Báo cáo quý:** Gửi trước **ngày 20 của tháng cuối quý** về tình hình triển khai thực hiện, tiến độ các chương trình, dự án, kết quả giải ngân, các khó khăn, vướng mắc và kiến nghị, đề xuất (nếu có), gửi Sở Xây dựng để tổng hợp.

- **Báo cáo năm:** Gửi trước **ngày 15 tháng 12 hằng năm** để đánh giá toàn diện kết quả thực hiện Kế hoạch, gửi Sở Xây dựng để tổng hợp.

- **Báo cáo đột xuất:** Thực hiện theo yêu cầu của UBND tỉnh hoặc khi phát sinh các vấn đề ảnh hưởng đến tiến độ, chất lượng, mục tiêu, nguồn lực thực hiện Kế hoạch.

Trên cơ sở báo cáo của các cơ quan, đơn vị, Sở Xây dựng có trách nhiệm tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch, báo cáo UBND tỉnh **trước ngày cuối cùng của tháng cuối quý** đối với báo cáo quý và **trước ngày 25 tháng 12 hằng năm** đối với báo cáo năm; đồng thời tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo xử lý các khó khăn, vướng mắc, điều chỉnh tiến độ, danh mục dự án, phân kỳ đầu tư, nguồn lực hoặc các nội dung khác của Kế hoạch (nếu cần thiết).

2. Kiểm tra, giám sát

Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các phường và các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch kiểm tra hằng năm; tổ chức kiểm tra hoặc kiểm tra đột xuất việc thực hiện Kế hoạch; kịp thời hướng dẫn, đôn đốc, chấn chỉnh các tồn tại, hạn chế và tham mưu UBND tỉnh xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh.

Các chủ đầu tư chịu trách nhiệm tự kiểm tra việc triển khai các chương trình, dự án thuộc phạm vi quản lý; bảo đảm tiến độ, chất lượng công trình, hiệu quả sử dụng nguồn lực, công tác quản lý chất lượng, an toàn lao động, bảo vệ môi trường và quản lý, vận hành công trình sau đầu tư theo quy định.

3. Theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện

Sở Xây dựng chủ trì theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch trên cơ sở các mục tiêu, nhiệm vụ, tiến độ thực hiện, kết quả giải ngân, chất lượng công trình và hiệu quả đầu tư của từng chương trình, dự án; định kỳ tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

Các sở, ban, ngành, UBND các phường, các chủ đầu tư có trách nhiệm thường xuyên rà soát, đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao; chủ động đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình, dự án.

4. Điều chỉnh trong quá trình thực hiện

Trong quá trình triển khai Kế hoạch, trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc hoặc có yêu cầu điều chỉnh về danh mục dự án, tiến độ thực hiện, phân kỳ đầu tư, nguồn lực hoặc các nội dung khác có liên quan, cơ quan chủ trì hoặc chủ đầu tư chủ động rà soát, đánh giá và báo cáo Sở Xây dựng.

Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan xem xét, tổng hợp; tham mưu UBND tỉnh quyết định theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền đối với những nội dung vượt thẩm quyền.

5. Giám sát của cộng đồng: Phát huy vai trò giám sát của cộng đồng dân cư, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch; khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp và người dân tham gia phản ánh, giám sát việc thực hiện các chương trình, dự án, quản lý, khai thác và bảo vệ hệ thống hạ tầng đô thị sau đầu tư.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án "Chỉnh trang đô thị các phường Trường Vinh, Thành Vinh, Vinh Lộc, Vinh Hưng, Vinh Phú và Cửa Lò giai đoạn 2026 - 2030". UBND tỉnh yêu cầu Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các phường: Trường Vinh, Thành Vinh, Vinh Lộc, Vinh Hưng, Vinh Phú, Cửa Lò, các chủ đầu tư và các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiêm túc tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc hoặc cần điều chỉnh, bổ sung nội dung Kế hoạch, các cơ quan, đơn vị kịp thời báo cáo, đề xuất gửi Sở Xây dựng để tổng hợp, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo, quyết định theo thẩm quyền. /.

Nơi nhận: ✓

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh
- Các PCT UBND tỉnh;
- Các thành viên UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN(TP, LB).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hoàng Phú Hiền

PHỤ LỤC I
TỔNG HỢP CÁC NHÓM DỰ ÁN CHÍNH TRANG ĐÔ THỊ
GIẢI ĐOẠN 2026 - 2030

(Kèm theo Kế hoạch số ~~717~~ 717/KH-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2026 của UBND tỉnh Nghệ An)

ĐVT: Tỷ đồng

TT	Nhóm dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Vốn đã bố trí đến nay	Nhu cầu vốn giai đoạn 2026 - 2030	Nhu cầu vốn sau năm 2030
	Tổng cộng	138	29.147,38	1.715,37	22.714,57	4.717,44
1	Nhóm 1 - Các dự án đã có quyết định đầu tư, đang triển khai dở dang	16	6.001,61	1.715,37	4.286,24	-
2	Nhóm 2 - Dự án đưa vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030	10	17.079,83	-	17.079,83	-
3	Nhóm 3 - Dự án theo hiện trạng hư hỏng và yêu cầu chỉnh trang đô thị giai đoạn 2026 - 2027	27	1.348,50	-	1.348,50	-
4	Nhóm 4 - Dự án định hướng phát triển đô thị dài hạn, bền vững	85	4.717,44	-	-	4.717,44

Ghi chú: Tổng mức đầu tư các danh mục dự án là kinh phí sơ bộ dự kiến theo Đề án, có thể được rà soát, điều chỉnh trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư và dự án đầu tư theo quy định của pháp luật.

PHỤ LỤC II

TIẾN ĐỘ HOÀN THÀNH CÁC DỰ ÁN NHÓM 1 VÀ NHÓM 2

(Kèm theo Kế hoạch số 117/KH-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2026 của UBND tỉnh Nghệ An)

I. NHÓM 1 - CÁC DỰ ÁN ĐÃ CÓ QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ, ĐANG TRIỂN KHAI ĐÓNG DANG (16 dự án)

TT	Danh mục công trình	TMĐT (tỷ đồng)	Thời gian thực hiện	Mốc hoàn thành	Chủ đầu tư
1	Dự án Hạ tầng ưu tiên và phát triển đô thị thích ứng với biến đổi khí hậu thành phố Vinh (vốn WB)	4.502,00	2026 - 2030	2030	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2	Đường Hải Thượng Lãn Ông rộng 24m	217,30	2026	30/11/2026	Ban Quản lý dự án công trình giao thông
3	Cải tạo, nâng cấp đường Nguyễn Gia Thiều	72,30	2026	30/8/2026	UBND phường Trường Vinh
4	Đường Lê Ninh (đoạn còn lại)	136,52	2025 - 2027	31/5/2027	UBND phường Vinh Hưng
5	Đường Trần Hưng Đạo kéo dài	161,34	2025 - 2027	30/6/2027	Ban Quản lý dự án công trình giao thông
6	Cải tạo, nâng cấp hoàn chỉnh đồng bộ tuyến đường từ sân bay Vinh đến khu vực xung quanh Quảng trường Hồ Chí Minh	560,83	2023 - 2027	31/01/2027	Ban quản lý dự án ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp
7	Đường Lê Mao kéo dài (giai đoạn 2)	138,97	2023 - 2026	30/4/2027	UBND phường Trường Vinh
8	Nâng cấp hệ thống mương các đường Võ Nguyên Hiến, Đặng Thái Thân, Trần Hưng Đạo, đường 72m, đường Trường Chinh	10,00	2026	Quý III/2026	Sở Xây dựng
9	Nạo vét bùn hệ thống mương thoát nước và hồ thu nước các tuyến đường	19,70	2026	Quý III/2026	Sở Xây dựng

TT	Danh mục công trình	TMDT (tỷ đồng)	Thời gian thực hiện	Mốc hoàn thành	Chủ đầu tư
10	Sửa chữa, thay thế hệ thống cống, cửa phai cầu Đen và cửa phai trạm bơm tiêu úng Đông Nam (Bến Thủy)	16,10	2026	Quý III/ 2026	Sở Xây dựng
11	Mua sắm máy phát điện dự phòng cho các trạm bơm tiêu úng	18,90	2026	Quý III/ 2026	Sở Xây dựng
12	Nạo vét hồ điều hòa trạm bơm tiêu úng phía Nam (Cầu Đen) và Đông Nam (Bến Thủy)	8,50	2026	Quý III/ 2026	Sở Xây dựng
13	Nâng công suất trạm bơm tiêu Đông Nam (trạm bơm Bến Thủy)	23,38	2026 - 2027	2027	Sở Xây dựng
14	Âu chứa nước, trạm bơm tiêu úng khu vực chợ Vinh và vùng phụ cận (giai đoạn 1)	37,90	2026 - 2027	2027	Sở Xây dựng
15	Nâng công suất trạm bơm tiêu phía Nam (trạm bơm Cầu Đen)	27,87	2026 - 2027	2027	Sở Xây dựng
16	Cải tạo, nâng cấp mặt đường 17 tuyến đường nội thị phường Cửa Lò	50,00	2026	31/12/2026	UBND phường Cửa Lò

II. NHÓM 2 - DỰ ÁN ĐƯA VÀO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 (10 dự án)

TT	Danh mục công trình	TMDT (tỷ đồng)	Thời gian thực hiện	Mốc hoàn thành
1	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Quang Trung, Lê Lợi, Mai Hắc Đế và Nguyễn Trãi (qua các phường Thành Vinh, Vinh Phú, Vinh Hưng)	743,00	2026 - 2028	2028
2	Đầu tư xây dựng hoàn chỉnh đường 72m đoạn từ đường Nguyễn Trãi đến đường tránh TP Vinh (ĐT.535B)	600,00	2026 - 2028	2028
3	Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 46C đoạn từ Km0 (Cửa Hội) đến Km22+300 (Cầu Bến Thủy 2) - Đường ven sông Lam	4.971,00	2026 - 2030	2030
4	Dự án xây dựng mới tuyến Bắc - Nam nối Nam Cẩm đến đường Nguyễn Sỹ Sách kéo dài	6.500,00	2026 - 2030	2030
5	Đầu tư xây dựng mới tuyến đường từ Trung tâm hành chính tỉnh đến Khu đô thị Ecopark	2.992,00	2026 - 2030	2030

TT	Danh mục công trình	TMDT (tỷ đồng)	Thời gian thực hiện	Mốc hoàn thành
6	Nâng cấp, mở rộng hoàn chỉnh đường Vạn Xuân đoạn từ Km0 đến Km8+250	350,00	2026 - 2030	2030
7	Hai tuyến đường quy hoạch 24m nối từ đường Nguyễn Trãi đến sông Kẽ Gai và từ đường Trần Nguyên Hãn đến đường QH 24m, phường Thành Vinh	190,43	2026 - 2030	2030
8	Nâng cấp, cải tạo đường Ngô Đức Mai (đoạn từ QL46 đến đường 72m), phường Thành Vinh	119,82	2026 - 2030	2030
9	Đầu tư xây dựng kênh thu nước từ hồ điều hòa (phía Tây), kênh thoát nước dọc số 3, phường Cửa Lò	410,00	2026 - 2030	2030
10	Đường gom QL1A và một số tuyến đường nhánh kết nối hạ tầng kỹ thuật giao thông khu vực	203,58	2026 - 2030	2030

Ghi chú: Cột "Mốc hoàn thành" xác định năm hoặc thời điểm chậm nhất phải hoàn thành, đưa công trình vào khai thác, sử dụng. Chủ đầu tư có trách nhiệm xây dựng tiến độ chi tiết của từng dự án, gửi Sở Xây dựng trước **ngày 30 tháng 9 năm 2026** để tổng hợp, theo dõi; trường hợp tiến độ thực tế có thay đổi so với mốc tại Phụ lục này, chủ đầu tư kịp thời báo cáo Sở Xây dựng để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo. Kinh phí các danh mục là mức khái toán sơ bộ theo Đề án, có thể được rà soát, điều chỉnh trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư theo quy định của pháp luật.

✓

PHỤ LỤC III

DANH MỤC VÀ PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN NHÓM 3

(Dự án theo hiện trạng hư hỏng và yêu cầu chỉnh trang đô thị giai đoạn 2026 - 2027)

(Kèm theo Kế hoạch số 317 /KH-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2026 của UBND tỉnh Nghệ An)

TT	Danh mục công trình	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	TMĐT (tỷ đồng)
	1. Chỉnh trang các công viên công cộng (6 dự án)				229,50
1.1	Công viên vườn hoa cửa Bắc	UBND phường Thành Vinh	Sở Xây dựng; Sở Tài chính	Năm 2026	15,00
1.2	Công viên vườn hoa cửa Nam	UBND phường Thành Vinh	Sở Xây dựng; Sở Tài chính	Năm 2026	15,00
1.3	Công viên Nguyễn Tất Thành (giai đoạn 1)	UBND phường Trường Vinh	Sở Xây dựng; Sở Tài chính	31/01/2027	64,00
1.4	Công viên Trung tâm (giai đoạn 1)	UBND phường Trường Vinh	Sở Xây dựng; Sở Tài chính	31/01/2027	100,00
1.5	Tu bổ công thành Vinh (Tiền Môn, Tả Môn, Hữu Môn) và khu vực thành cổ Vinh	Ban QLDA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp	Sở Xây dựng; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; UBND phường Thành Vinh	Năm 2026	10,50
1.6	Hệ thống điện trang trí trên Bunva đường Bình Minh, phường Cửa Lò	UBND phường Cửa Lò	Sở Xây dựng; Sở Tài chính	Năm 2026	25,00
	2. Chỉnh trang mặt đường, vỉa hè, công trình ngầm các tuyến đường (12 dự án)				972,00
2.1	Đường Nguyễn Trường Tộ (đoạn từ đường Trường Chinh đến đường 72)	UBND phường Thành Vinh	Sở Xây dựng; Sở Tài chính	31/12/2026	68,00
2.2	Đường 32m nối Khu B và Khu C chung cư Quang Trung, phường Thành Vinh	UBND phường Thành Vinh	Sở Xây dựng; Sở Tài chính	30/8/2026	20,00
2.3	Đường Phan Bội Châu và đường Nguyễn Sỹ Sách (đoạn từ QL.1 đến đường Nguyễn Văn Cừ)	Sở Xây dựng	Sở Tài chính; UBND phường liên quan Thành Vinh	Quý III/2027	130,00
2.4	Đường Nguyễn Thái Học	UBND phường Thành Vinh	Sở Xây dựng; Sở Tài chính	Quý IV/2027	35,00

TT	Danh mục công trình	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	TMĐT (tỷ đồng)
2.5	Cải tạo các tuyến Trần Hưng Đạo, Trường Chinh, Phan Đăng Lưu	Sở Xây dựng	Sở Tài chính; UBND phường liên quan	Quý III/2027	127,00
2.6	Đường Hà Huy Tập	UBND phường Vinh Phú	Sở Xây dựng; Sở Tài chính	Quý IV/2027	62,00
2.7	Nâng cấp, cải tạo các tuyến đường Trần Phú, Lê Duẩn, Nguyễn Du	Sở Xây dựng	Sở Tài chính; UBND phường liên quan	Quý IV/2027	350,00
2.8	Cải tạo, nâng cấp đường Nguyễn Xí (đoạn từ đường dọc số 3 đến đảo Lan Châu), phường Cửa Lò	UBND phường Cửa Lò	Sở Xây dựng; Sở Tài chính	Quý II/2027	30,00
2.9	Đường Nguyễn Huệ (đoạn từ đường Nguyễn Sinh Cung đến đường Yết Kiêu), phường Cửa Lò	UBND phường Cửa Lò	Sở Xây dựng; Sở Tài chính	Quý II/2027	25,00
2.10	Đường ngang số 21 (từ đường Bình Minh đến đường Nguyễn Huệ), phường Cửa Lò	UBND phường Cửa Lò	Sở Xây dựng; Sở Tài chính	Quý III/2027	95,00
2.11	Sửa chữa hệ thống thu gom, xử lý nước thải trên địa bàn phường Cửa Lò	UBND phường Cửa Lò	Sở Xây dựng; Sở Tài chính	Quý III/2027	30,00
2.12	Đường Nguyễn Sỹ Sách (đoạn từ đường Nguyễn Văn Cừ đến đường QL.46C)	Sở Xây dựng	Nhà đầu tư PPP; UBND phường Thành Vinh	Nghiên cứu, thực hiện theo hình thức PPP	Chưa xác định*
3. Chỉnh trang diện chiếu sáng, cải tạo nút giao, hệ thống ATGT (8 dự án)					147,00
3.1	Chỉnh trang hệ thống an toàn giao thông các tuyến đường thuộc phường Trường Vinh, Thành Vinh, Vinh Hưng, Vinh Phú, Vinh Lộc	Sở Xây dựng	Sở Tài chính; UBND phường liên quan	Năm 2026	30,00
3.2	Chỉnh trang hệ thống đèn tín hiệu giao thông trên các tuyến đường thuộc phường Trường Vinh, Thành Vinh, Vinh Hưng, Vinh Phú, Vinh Lộc	Sở Xây dựng	Sở Tài chính; UBND phường liên quan	Năm 2026	30,00
3.3	Cải tạo, mở rộng các nút giao: Ngã 5 Kim Đồng - Nguyễn Thị Minh Khai - Lê Hồng Phong; An Dương Vương - Trần Quang Diệu; Lê Mao -	Sở Xây dựng	Sở Tài chính; UBND phường liên quan	Năm 2026	21,00

TT	Danh mục công trình	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	TMĐT (tỷ đồng)
	Ngư Hải; Phong Đình Cảng - Phan Đăng Lưu - Nguyễn Viết Xuân - Võ Nguyên Hiến				
3.4	Bổ sung đèn trang trí tuyến đường Trường Thi	Sở Xây dựng	Sở Tài chính; UBND phường liên quan	Năm 2026	16,00
3.5	Sửa chữa hệ thống bóng đèn chiếu sáng trên các tuyến đường thuộc phường Trường Vinh, Thành Vinh, Vinh Hưng, Vinh Phú, Vinh Lộc	Sở Xây dựng	Sở Tài chính; UBND phường liên quan	Năm 2026	30,00
3.6	Đầu tư xây dựng các bãi đỗ xe trên địa bàn các phường	UBND các phường	Sở Xây dựng; Sở Tài chính	Chậm nhất Quý II/2027	20,00

Ghi chú:

- Các công trình có thời gian hoàn thành "Năm 2026" phải hoàn thành chậm nhất ngày 31/12/2026 (trước Tết Nguyên đán 2027); riêng Công viên Nguyễn Tất Thành (giai đoạn 1) và Công viên Trung tâm (giai đoạn 1) là công trình cấp thiết, phải hoàn thành trước Tết Nguyên đán 2027, chậm nhất ngày 31/01/2027. Các dự án chuyển tiếp còn lại hoàn thành theo mốc quý cụ thể trong năm 2027 như nêu tại cột "Thời gian hoàn thành", bảo đảm cơ bản hoàn thành toàn bộ 27 dự án Nhóm 3 trong năm 2027.

(*) Dự án đường Nguyễn Sỹ Sách (đoạn từ đường Nguyễn Văn Cừ đến đường QL.46C) thực hiện theo hình thức đối tác công tư (PPP); tổng mức đầu tư, phương án tài chính thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư, chưa xác định trong Đề án - cần rà soát, bổ sung khi lập dự án.

- Mốc quý đối với các dự án chuyển tiếp năm 2027 là mục tiêu điều hành trên cơ sở quy mô, tính chất từng công trình; chủ đầu tư có trách nhiệm xây dựng tiến độ chi tiết, gửi Sở Xây dựng **trước ngày 30/9/2026** để tổng hợp, theo dõi; trường hợp cần điều chỉnh, chủ đầu tư kịp thời báo cáo Sở Xây dựng để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo.

- Kinh phí các danh mục là mức khái toán sơ bộ theo Đề án, có thể được rà soát, điều chỉnh trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư theo quy định của pháp luật.

- Việc phân công cơ quan phối hợp tại Phụ lục này được xác định trên nguyên tắc phân định trách nhiệm đầu tư nêu tại Mục 2.1, Phần III Kế hoạch; các sở, ngành, địa phương chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị quản lý chuyên ngành có liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện.